

Bản án số: **359/2022/HC-PT**

Ngày 20-5-2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước  
về đất đai*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trí Tuấn;

*Các Thẩm phán:*

Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Phan Tô Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 146/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 217/2022/QĐPT-HC ngày 20/5/2022; giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà **Phạm Thị S**, sinh năm 1962, (có mặt).

Địa chỉ: G4 M, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Phan Huy Đ – Văn phòng luật sư Quốc Thu – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, (có mặt).

**- Người bị kiện:**

**1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L**

Địa chỉ: số 02 T, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm S, chức vụ Phó chủ tịch, (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## **2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ**

Địa chỉ: số 02 T, phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Ngọc Tr, chức vụ Phó chủ tịch (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện – Chủ tịch UBND thành phố Đ:* Ông Nguyễn Đức Tr, chức vụ: Phó trưởng phòng TN & MT thành phố Đ, (vắng mặt).

## **3. Ủy ban nhân dân thành phố Đ;**

Địa chỉ: số 02 T, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tôn Thiện S, chức vụ: Chủ tịch

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Ngọc Tr, chức vụ Phó chủ tịch, (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện – UBND thành phố Đ:* Ông Nguyễn Đức Tr, chức vụ: Phó trưởng phòng TN & MT thành phố Đ, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện – Bà Phạm Thị S.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện ngày 01-6-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18-6-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10-8-2020, bản tự khai của bà Phạm Thị S như sau:*

Năm 1950, bố mẹ bà S có mua một diện tích đất để ở và sản xuất nông nghiệp tại 20/1 H, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có đầy đủ giấy tờ của chế độ cũ, đã sử dụng liên tục từ đó cho đến ngày bị thu hồi, giải tỏa. Tổng diện tích 3.267m<sup>2</sup>, trong đó theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà được cấp vào năm 1987 diện tích 150m<sup>2</sup> và năm 1999 Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp quyền sử dụng đất diện tích 3.117m<sup>2</sup>.

Năm 2002, bố mẹ bà S chia đất cho 08 người con, mỗi người từ 90m<sup>2</sup> đến 100m<sup>2</sup>, nhưng khi làm thủ tục không được chính quyền chấp nhận với lý do: Theo quy hoạch đây là khu đất ở kết hợp với du lịch, có dạng kiến trúc nhà biệt lập, chiều ngang tối thiểu của lô đất là 10m, diện tích tối thiểu 200m<sup>2</sup>. Vì vậy, tháng 7/2003 bố mẹ bà đã làm hợp đồng chuyển nhượng 8 lô đất cho 8 người con với diện tích bình quân trên 300m<sup>2</sup> (theo quy hoạch). bà S được bố mẹ cho theo hợp đồng chuyển nhượng số 703/CN ngày 14/10/2002 và được Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X260230 ngày 17/9/2003 với diện tích đất 352m<sup>2</sup>, thuộc thửa 202 – Tờ bản đồ số C69-III-D-d, Phường 4, thành phố Đ.

Cùng thời điểm (năm 2003), bà lập hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nhưng không được giải quyết với lý do: UBND tỉnh Lâm Đồng đã có Quyết định số 2474/QĐ-UB ngày 04/8/1999 quy hoạch chi tiết xây dựng, cải tạo khu vực hồ sinh học, thác Cam Ly thành phố Đ.

Năm 2005, UBND thành phố Đ và UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành quyết định quy hoạch lại khu đất trên là khu dân cư. Ngày 13/2/2006 Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành quyết định số 395/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ thửa đất nói trên của bà để triển khai xây dựng khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi nhưng lại tính toán đền bù không đúng và không bố trí tái định cư theo đúng qui định của pháp luật. Bà đã khiếu nại, qua nhiều lần giải quyết khiếu nại của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã điều chỉnh tiền đền bù (*tổng cộng số tiền bồi thường là 83.403.000 đồng*) nhưng cũng chưa thỏa đáng và không đúng qui định của pháp luật và cũng chưa giải quyết tái định cư cho gia đình nên bà chưa nhận tiền.

Sau đó bà đã khởi kiện tại Tòa án và được thụ lý số 15/2017/TLST- HC ngày 24 tháng 4 năm 2017 với các yêu cầu hủy bỏ một phần các quyết định của người có thẩm quyền và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành với những nội dung ảnh hưởng đến quyền lợi của bà cụ thể là những quyết định sau đây:

- Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 17/8/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình khu quy hoạch chi tiết dân cư Mạc Đĩnh Chi (giai đoạn 1), Phường 4, thành phố Đ. Trong đó có bồi thường, hỗ trợ đối với bà S.

- Quyết định số 1460/QĐ- UBND ngày 23/5/2006, của Ủy ban nhân dân thành phố Đ; về việc phê duyệt (bổ sung) chi phí bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất để triển khai công trình khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi, Phường 4 thành phố Đ trong đó có bổ sung cho phí bồi thường, hỗ trợ đối với bà S.

- Quyết định số 3116/QĐ- UBND ngày 06/12/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn Đệ, ngụ tại 20/1 Hoàng Văn Thụ, Phường 4 - thành phố Đ về đơn giá bồi thường và yêu cầu bố trí tái định cư tại chỗ qua việc thu hồi thửa đất số 96 –TBĐ 47 – P4, thành phố Đ.

- Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 10/05/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại của các hộ: Phạm Thị Dung, Phạm Văn Kỹ, Phạm Thị Hòa, Phạm Thị S, Phạm Thị Toàn, Phạm Thị Hà, Phạm Văn An, ngụ tại số 20/1 đường Hoàng Văn Thụ, phường 4 - thành phố Đ.

- Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 14/07/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại của ông Đệ và 7 người con của ông Đệ trong đó có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà S.

- Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 09/03/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Trong đó, có bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với bà S. Trên cơ sở đó, bà S yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ tính toán bồi thường giá trị quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, bố trí tái định cư cho gia đình bà theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 32/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án tỉnh Lâm Đồng đã bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà S. Sau đó, bà S kháng cáo toàn bộ bản án lên Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo bản án số 522/2018/HC-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận một phần kháng cáo của bà S, hủy một phần các quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan đến Sen: Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 10/05/2006; Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/05/2006; Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 09/03/2007 của UBND thành phố Đ; Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 14/07/2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ thực hiện trách nhiệm công vụ, ban hành các quyết định hành chính bồi thường cho bà Phạm Thị S giá trị diện tích đất đã bị thu hồi theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi có bản án nói trên của Tòa án cấp cao, ngày 03/06/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí bồi thường hỗ trợ cho gia đình đối với diện tích đất đã thu hồi theo giá đất năm 2006 với số tiền là 20.058.000 đồng tuy nhiên không thực hiện theo giá đất tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường mà pháp luật đã quy định. Do đó, bà S đã khiếu nại và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 6024/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 có nội dung *“Việc bồi thường hỗ trợ cho hộ bà S số tiền nêu trên tính theo đơn giá năm 2006 là đúng pháp luật và do hộ bà S đã có nhà ở nên không được bố trí tái định cư”*.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nói trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, bà tiếp tục khiếu nại Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng thì đến ngày 31/03/2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND cũng không chấp nhận đơn khiếu nại của bà và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Nay bà S yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng hủy toàn bộ các quyết định hành chính:

- Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thuộc công trình khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi

- Quyết định số 6024/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

- Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo giá đất tại thời điểm ban hành quyết định bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và bố trí tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ – Ông Võ Ngọc Trình trình bày thì:*

Thực hiện bản án số 522/2018/HC-PT ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/4/2019, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1407/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ một phần các Quyết định liên quan đến việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị S, cụ thể: Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2006 của UBND thành phố Đ và Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 09/3/2007 của UBND thành phố Đ.

Ngày 03/6/2019, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S do thu hồi đất thuộc công trình Khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi (giai đoạn 1), phường 4, thành phố Đ với số tiền 20.058.000 đồng (*phê duyệt lại theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2006 và Quyết định số 664/QĐ-UBND ngày 09/3/2007 của UBND thành phố Đ*), trong đó đã phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và cây trồng cho hộ bà Phạm Thị S theo đơn giá năm 2006.

Ngày 21/11/2019, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 5465/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ một phần Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của các hộ: Phạm Thị D, Phạm Văn K, Phạm Thị H, Phạm Thị S, Phạm Thị T, Phạm Thị H, Phạm Văn A ngụ tại số 20/1 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 4, thành phố Đ. Ngày 10/9/2019, bà Phạm Thị S có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố Đ khiếu nại không đồng ý với Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S do thu hồi đất thuộc công trình Khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi (Giai đoạn 1), phường 4, thành phố Đ;

Ngày 19/9/2019; Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 4102/QĐ-UBND-KN về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị S; Trong đó giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm tra, xác minh đơn của bà Phạm Thị S;

Xét Báo cáo số 1027/BC-TNMT ngày 22/11/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 09/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 6024/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị S (lần đầu) với nội dung: “...*Không chấp nhận đơn của bà Phạm Thị S khiếu nại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S; yêu cầu tính toán bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; yêu cầu giải quyết bố trí tái định cư do thu hồi đất tại dự án Khu quy hoạch khu dân cư Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, thành phố Đ...*”.

Ngày 31/3/2020, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị S (Lần hai) với nội dung “*Không chấp nhận đơn của bà Phạm Thị S khiếu nại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S; yêu cầu tính toán bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; yêu cầu giải quyết*

*bố trí tái định cư do thu hồi đất tại dự án Khu quy hoạch khu dân cư Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, thành phố Đ”.*

Qua kiểm tra tình hình nhà ở, đất ở của hộ bà Phạm Thị S thấy rằng: bà S có hộ khẩu thường trú tại số 20/1 đường H, Phường 4, thành phố Đ (do bố là ông Phạm Văn Đ là chủ hộ); hiện nay bà Phạm Thị S đang tạm trú tại nhà gia đình chồng là ông Hồ Thanh H tại số 154 (Số cũ 31) P, Phường 6, thành phố Đ từ năm 2005, có xác nhận của Công an phường 6 ngày 04/8/2017. Hiện nay ông Hồ Thanh H (Chồng bà Phạm Thị S) cùng với 02 con đang ở nhà bố mẹ là ông bà Hồ Văn H – Lê Thị Kim L tại số 154 (Số cũ 31) Phạm Ngọc Thạch, phường 6, thành phố Đ; nhà và đất số 154 (Số cũ 31) Phạm Ngọc Thạch do cha mẹ ông H đứng tên sở hữu Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 024055 do UBND thành phố Đ cấp ngày 26/01/2010, thuộc thửa số 158, diện tích 261,36m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 19, Phường 6, thành phố Đ.

Về đất ở của ông Hồ Thanh H (chồng bà Phạm Thị S): ngày 08/8/1997, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 733/QĐ-UB v/v Giao đất xây dựng nhà ở tại thành phố Đ, trong đó ông Hồ Thanh H được giao lô C1, diện tích 562m<sup>2</sup> khu quy hoạch chi tiết dân cư Đông Tĩnh, Phường 8, thành phố Đ và ông H đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định. Ngày 10/10/2003, ông bà Hồ Thanh H – Phạm Thị S có biên bản thỏa thuận chuyển nhượng lô C1 khu quy hoạch Đông Tĩnh cho ông bà Hồ Thanh Hân – Phan Thị Sự. Ngày 10/8/2017, ông Hồ Thanh H làm giấy xác nhận chưa xây nhà ở trên đất với nội dung: Hiện ông H bà S đang sở hữu lô C1 khu quy hoạch dân cư Đông Tĩnh, Phường 8, thành phố Đ, do chưa có điều kiện nên đến nay ông bà chưa xây dựng được nhà ở trên lô đất này. Đơn đã được UBND Phường 8 xác nhận ngày 11/8/2017.

Việc UBND thành phố Đ Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S theo đơn giá năm 2006 là thực hiện đúng theo nội dung tại Bản án số 522/2018/HC-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với nội dung bà Phạm Thị S yêu cầu giải quyết bố trí tái định cư do thu hồi đất tại dự án Khu quy hoạch khu dân cư Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, thành phố Đ.

Ngày 08/8/1997, UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định số 733/QĐ-UB V/v Giao đất xây dựng nhà ở tại thành phố Đ, trong đó ông Hồ Thanh H được giao lô C1, diện tích 562m<sup>2</sup> khu quy hoạch chi tiết dân cư Đông Tĩnh, Phường 8, thành phố Đ. Ngày 09/01/2009, Bộ Tài nguyên Môi trường đã có Báo cáo số 82/BTNMT-TTr “*Kết quả xác minh đơn khiếu nại của ông Phạm Văn Đ, trú tại 20/1 đường Hoàng Văn Thụ, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng*”, nội dung kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo UBND tỉnh Lâm Đồng thực hiện bố trí tái định cư cho ông Phạm Văn K và bà Phạm Thị H. Báo cáo này tiếp tục khẳng định bà Phạm Thị T và Phạm Thị S đã có nhà ở nên không được bố trí

tái định cư là đúng theo các quy định của pháp luật đất đai. Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 3111/VPCP-KNTC ngày 15/5/2009 thống nhất đề xuất.

Như vậy, việc giải quyết tái định cư cho bà Phạm Thị S đã được cấp có thẩm quyền giải quyết trên cơ sở hoàn cảnh và điều kiện sinh sống của hộ gia đình bà Phạm Thị S, do ông Hồ Thanh H đã được cấp đất ở với diện tích diện tích 562m<sup>2</sup> tại khu quy hoạch chi tiết dân cư Đông Tỉnh, phường 8, thành phố Đ theo Quyết định số 733/QĐ-UB ngày 08/8/1997 của UBND tỉnh Lâm Đồng, đã có đất ở tại khu quy hoạch Đông Tỉnh nên không được bố trí tái định cư là đúng theo các quy định của pháp luật.

Việc UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thuộc công trình khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi; Quyết định số 6024/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị S là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

UBND thành phố Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật./.

*\* Theo lời trình bày của người bị kiện Chủ tịch tỉnh Lâm Đồng thì:*

Năm 2019, bà Phạm Thị S, khiếu nại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND thành phố Đ về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị S do thu hồi đất thuộc công trình Khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi (Giai đoạn 1), Phường 4, thành phố Đ; yêu cầu được tính toán bồi thường theo đơn giá tại thời điểm chi trả tiền bồi thường; yêu cầu được giải quyết bố trí tái định cư.

Ngày 09/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 6024/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của bà Phạm Thị S với nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Không đồng ý, bà Phạm Thị S tiếp tục có đơn gửi UBND tỉnh. Vụ việc đã được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét giải quyết tại Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 với nội dung không chấp nhận đơn của bà Phạm Thị S; Giữ nguyên Quyết định số 6024/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ.

Kết quả xác minh cho thấy: Thực hiện Bán án số 522/2018/HC-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, UBND thành phố Đ đã kiểm tra, rà soát, tính toán lại chi phí bồi thường, hỗ trợ về đất và hoa màu theo đơn giá năm 2006 (Tại thời điểm thu hồi đất) và ban hành Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S do thu hồi đất thuộc công trình Khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi (Giai đoạn 1), Phường 4, thành phố Đ. Theo đó số tiền bồi thường, hỗ trợ được tính toán bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị S theo đơn giá năm 2006 là: 92.992.000 đồng – 72.934.000 đồng (Được phê duyệt

tại Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 17/8/2005 của UBND tỉnh) = 20.058.000 đồng.

Do vậy, UBND thành phố Đ phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị S do thu hồi đất thuộc công trình Khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi (Giai đoạn 1), Phường 4, thành phố Đ theo đơn giá năm 2006 tại Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 là thực hiện đúng theo nội dung Bản án số 522/2018/HC-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh về việc khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực đất đai theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị S. Do đó, việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị S là đúng quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ pháp lý nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị S.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:*

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm h, Điều 143; điểm a, khoản 2, Điều 193 và Điều 348 của Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 2 Điều 42 của Luật đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai*” đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND thành phố Đ V/v phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thuộc công trình khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi.

- Hủy Quyết định số 6024/QĐ-UBND ngày 9/12/2019 của Chủ tịch UBND Tp Đà Lạt V/v giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị S (Lần đầu).

- Hủy Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng V/v giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị S (Lần hai).

- Buộc UBND thành phố Đ thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo giá đất tại thời điểm ban hành Quyết định bồi thường theo đúng quy định của pháp luật và bố trí tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, người khởi kiện là bà Phạm Thị S có đơn



kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S, sửa bản án sơ thẩm; buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ bồi thường cho bà S số tiền 805.939.200 đồng (chưa bao gồm hoa màu trên đất) và bố trí tái định cư cho bà S theo quy định của pháp luật.

- Người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

*Về nội dung:* Theo quyết định số 3728/QĐ-UBND ngày 18/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thì giá đất trồng cây hàng năm tại khu vực các phường thuộc thành phố Đ có giá 46.000đ/m<sup>2</sup>; giá đất năm 2019, theo Quyết định số 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 về bảng giá đất trên địa bàn thành phố Đ chu kỳ 2015/2019 có giá 155.000đ/m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ số 2348 nhưng lại áp giá năm 2006 để bồi thường cho bà S là gây thiệt hại cho bà S và không đúng quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; hủy Quyết định phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ số 2348 và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 6024 và 584.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính tuyên xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, hủy quyết định duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ số 2348 và các Quyết định giải quyết khiếu nại số 6024 và 584.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị S làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được cấp phúc thẩm xem xét theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tòa sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện; thẩm quyền giải quyết; thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Đối với kháng cáo của bà Phạm Thị S xét:

[3.1] Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 522/2018/HC-PT ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định: Ngày 23/5/2006, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND về việc *phê duyệt (bổ sung) chi phí bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất để triển khai công trình* và ngày 09/3/2007, Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành Quyết định 664/QĐ-UBND về việc *phê duyệt (bổ sung) chi phí bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn Đệ*. Các quyết định căn cứ theo quyết định 22/QĐ-UBND ngày 01/02/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng để tính giá bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi của bà Phạm Thị S. Trong khi Quyết định 22 ngày 01/02/2005 đã bị Quyết định 224/2005/QĐ-UBND ngày 16/12/2005 thay thế và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006. Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã sai khi viện dẫn một số quyết định không còn hiệu lực làm căn cứ cho việc tính giá bồi thường. Do đó, Bản án 522 đã tuyên hủy một phần (phần liên quan đến bà Phạm Thị S) đối với các Quyết định 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2006 và số 664/QĐ-UBND ngày 9/3/2007 về phê duyệt chi phí bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố Đ và các quyết định giải quyết khiếu nại số 1348/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ và Quyết định 2110/QĐ-UBND ngày 14/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[3.2] Căn cứ vào quy định của pháp luật và Bản án hành chính phúc thẩm 522 nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã ban hành Quyết định 2348/QĐ-UBND ngày 3/6/2019 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S do thu hồi đất thuộc công trình Khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi (giai đoạn 1), Phường 4, thành phố Đ.

Theo khoản 1 Điều 14 Thông tư 37 ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: “*Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014*”.

Theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được quy định: “*Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn*

*giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”.*

Theo bảng giá đất tại Quyết định số 224/2005/QĐ-UBND ngày 16/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định đơn giá đất đường Hoàng Văn Thụ, phường 4, thành phố Đ (Đoạn từ Ba Tháng Hai đến Huyện Trần Công Chứa) là 2.000.000 đồng/m<sup>2</sup>; còn đơn giá đất theo Quyết định 69/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (áp dụng cho chu kỳ 5 năm từ 2015-2019) đối với đường Hoàng Văn Thụ, Phường 4, thành phố Đ (Đoạn từ Ba Tháng Hai đến Huyện Trần Công Chứa) là 5.292.000 đồng/m<sup>2</sup>. Như vậy, đơn giá đất theo Quyết định 69 cao hơn đơn giá đất theo Quyết định 224.

Căn cứ tại khoản 1 Điều 14 Thông tư 37 ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ nêu trên thì khi ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà S Ủy ban nhân dân thành phố Đ phải áp dụng đơn giá đất của Quyết định 69 để tính bồi thường, hỗ trợ cho bà S nhưng Ủy ban nhân dân thành phố Đ lại áp dụng đơn giá đất của Quyết định 224 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, cần hủy Quyết định 2348/QĐ-UBND ngày 3/6/2019 về việc phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị S do thu hồi đất thuộc công trình Khu quy hoạch dân cư Mạc Định Chi (giai đoạn 1), phường 4, thành phố Đ và hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại số 6024/QĐ-UBND ngày 9/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) để Ủy ban nhân dân thành phố Đ ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Phạm Thị S cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Đối với yêu cầu xem xét bố trí tái định cư: Năm 1997, ông Hồ Thanh H là chồng của bà Phạm Thị S được giao lô C1, diện tích 562m<sup>2</sup> khu quy hoạch chi tiết dân cư Đông Tĩnh, Phường 8, thành phố Đ và ông H đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định. Ngày 10/10/2003 ông Hồ Thanh H có biên bản thỏa thuận chuyển nhượng lô đất trên cho ông Hồ Thanh Hân và bà Phan Thị Sự. Tuy nhiên, ngày 10/8/2017, ông Hồ Thanh H có làm giấy xác nhận có nội dung: *“Hiện tôi đang sở hữu lô C1, khu quy hoạch dân cư Đông Tĩnh, Phường 8, thành phố Đ, do chưa có điều kiện nên tôi chưa xây nhà trên đất này”*, đơn được Ủy ban nhân dân Phường 8 xác nhận ngày 11/8/2017 (Bút lục 96).

Ngoài ra, tại báo cáo số 82/BTNMT-TRR ngày 09/01/2009 của Bộ tài nguyên và môi trường (Bút lục 156-158) cũng đã nêu: *“...Về bố trí tái định cư, UBND thành phố Đ bố trí tái định cư cho ông Phạm Văn Đệ và 02 người con đang ở cùng nhà với ông Đệ (03 hộ được bố trí 04 lô) với diện tích 460m<sup>2</sup> là đúng quy định. Bà Phạm Thị Toàn, bà Phạm Thị S và bà Phạm Thị Hòa bị thu hồi đất nông nghiệp, nhưng cả 03 hộ đã có nhà nên không được tái định cư là đúng...”*. Ngày 15/5/2009, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 3111/VPCP-KNTN (BL 159) thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, đồng ý với kết

luận, kiến nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường và thông báo để các cơ quan và cá nhân liên quan biết, thực hiện.

Do đó, yêu cầu bố trí tái định cư của bà Phạm Thị S không đủ điều kiện xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị S; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 241; khoản 1 Điều 349; Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm h, Điều 143; điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

- Căn cứ Điều 42 của Luật đất đai năm 2003, Điều 74 Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; khoản 1 Điều 14 Thông tư 37 ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; *Tuyên xử:*

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị S; Sửa bản án sơ thẩm số 01/2021/HCST ngày 07/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai*” đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 2348/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của UBND thành phố Đ V/v phê duyệt chi phí bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất thuộc công trình khu quy hoạch dân cư Mạc Đĩnh Chi.

- Hủy Quyết định số 6024/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đ V/v giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị S (Lần đầu).

- Hủy Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng V/v giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị S (Lần hai).

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ, ban hành Quyết định hành chính bồi thường cho bà Phạm Thị S giá trị diện tích đất bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị S không phải chịu; hoàn trả cho bà Phạm Thị S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005419 ngày 25/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC
- VKSNDCC tại TP HCM.
- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKSND tỉnh Lâm Đồng.
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng.
- Các đương sự (4).
- Lưu HS (02) VP (5) 18b (ĐHV)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trí Tuấn**